

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: Phạn ngữ “HỌC PĀLI TRONG 32 BÀI”

Bài học ngày 8.10.2021

BÀI 17. CHIA ĐỘNG TỪ THỜI QUÁ KHỨ

1. Chia động từ thời quá khứ

Thời quá khứ để chỉ cho động thái đã qua.

Thời quá khứ của động từ nguyên mẫu tận cùng bằng A:

Nguyên mẫu: **paca** = nấu

Số ít

Ngôi thứ ba _ (So) apaci, paci = Nó đã nấu

Ngôi thứ hai _ (Tvam) apaci, paci = anh đã nấu

Ngôi thứ nhất _ (Aham) apaciṃ, paciṃ = Tôi đã nấu

Số nhiều

Ngôi thứ ba _ (Te) apaciṃsu, paciṃsu = Họ đã nấu

Ngôi thứ hai _ (Tumhe) apacittha, pacittha = các anh nấu

Ngôi thứ nhất _ (Mayam) apacimha, pacimha = chúng tôi nấu

Nêu lưu ý khi a- thêm vào không phải là tiền tố phủ định mà chỉ là tùy thích thêm vào để biểu thị thời quá khứ.

Những động từ nguyên mẫu tận cùng bằng -nā cũng chia như trên.

Thời quá khứ của động từ nguyên mẫu tận cùng bằng E:

Nguyên mẫu: **core** = trộm cướp

Số ít

Ngôi thứ ba _ (So) coresi, corayi = Nó đã lấy trộm

Ngôi thứ hai _ (Tvam) coresi = Anh đã lấy trộm

Ngôi thứ nhất_ (Ahaṃ) coresiṃ, corayiṃ = đã lấy trộm

Số nhiều

Ngôi thứ ba _ (Te) coresuṃ, corayiṃsu = Chúng nó đã lấy trộm

Ngôi thứ hai _ (Tumhe) corayitha = Các anh đã lấy trộm

Ngôi thứ nhất_ (Mayaṃ) corayimha = Chúng tôi đã lấy trộm

2. Một vài câu kiểu mẫu

Số ít

1. Bhūpālo dīpe cari / acari

Nhà vua đã bách bộ trên đảo

Samaṇo dhammaṃ desesi

Vị sa môn đã thuyết pháp

2. Tvaṃ bhaṇḍāni vikkiṇi

Anh đã bán hàng hoá

Tvaṃ pupphāni pūjesi

Anh đã cúng những bông hoa

3. Ahaṃ pabbataṃ āruhiṃ

Tôi đã leo núi

4. Ahaṃ dīpaṃ jālesiṃ / jālayiṃ

Tôi đã thấp đèn

Số nhiều

1. Bhūpālā dīpesu carimṃsu / acarimṃsu

Những vị vua đã đi lại trên những hòn đảo

Samaṇā dhammaṃ desesuṃ / desayimṃsu

Những vị sa môn đã thuyết pháp

2. Tumhe bhaṇḍāni vikkiṇittha

Các anh đã bán những hàng hoá

3. Tumhe pupphāni pūjayittha
Các anh đã cúng những bông hoa

3. Mayam pabbate āruhimha
Chúng tôi đã leo những ngọn núi

4. Mayam dīpe jālayimha
Chúng tôi đã thấp những ngọn đèn

PĀLI VUI ĐỀ HỌC

Danh và Thực

Xung hô là một trong những điểm rất tế nhị trong văn hoá ứng xử. Ngay thời Đức Phật tại thế giữa Tăng chúng cũng có những điều bất cập về mặt này nên khi Đức Phật sắp viên tịch đã có di ngôn: “Này Ananda, nay các vị Tỷ-kheo xung hô với nhau là Hiền giả (āvuso). Sau khi Ta diệt độ, chớ có xung hô như vậy. Này Ananda, vị Tỷ-kheo niên lão hãy gọi vị Tỷ-kheo niên thiếu, hoặc bằng tên, hoặc bằng họ, hoặc bằng tiếng Hiền giả. Vị Tỷ-kheo niên thiếu, hãy gọi vị Tỷ-kheo niên lão là Đại đức (Bhante)”.

Chữ āvuso được xem là cách gọi người ngang bằng hoặc nhỏ hơn nên người Trung Hoa dịch là hiền giả. Trong Phạm ngữ thì từ này cũng là cách gọi thân tình như bạn bè gọi nhau hay trong đạo gọi là “pháp hữu” trong lúc chữ bhante thì là cách gọi với sự tôn kính.

Ngày xưa ở Việt Nam chữ “Đại đức” là từ cao trọng nhưng do một vài lý do mang tánh “chính trị văn phòng” mà Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đưa ra quy định lớn nhất là hoà thượng, rồi tiếp theo là thượng toạ, thấp nhất là ... đại đức. Trong lúc Phật giáo Việt Nam chịu ảnh hưởng nhiều bởi văn hoá Phật giáo Trung Quốc thì có một điều trớ trêu là chữ hoà thượng là một ngoại lệ. Bên Trung quốc chữ hoà thượng chỉ cho tất cả thầy tu Phật giáo không phân lớn hay nhỏ còn ở Việt Nam bây giờ thì hoà thượng là từ ngữ cao trọng.

Có điều này cũng thú vị trong cách xung hô tại các chùa Bắc Tông ở một số địa phương thì sư chú hay sư bác không hẳn là huynh đệ với sư phụ. Ngoài Bắc chữ Sư Bác gọi những “sa di thâm niên”, còn nhiều nơi chữ sư chú chỉ cho những vị học

tăng trẻ. Do vậy tạo nên trường hợp oái oăm là sư chú khác với sư thúc mà sư bác khác với sư bá.

Trong kinh điển Pāli còn có hai danh gọi khác cần lưu ý là chữ “thera” xuất xứ từ chữ thāra va nghĩa là vị cao hạ nên đôi khi dịch là trưởng lão. Có nhiều trường hợp vị cao hạ mà chỉ trên bốn mươi tuổi mà gọi là trưởng lão nghe cũng ... hơn kỳ.

Một từ khác rất phổ thông trong kinh điển là chữ āyasmant, āyasmā thường được dịch là tôn giả. Đây là chữ rất đẹp nhưng ít khi được dùng ngày nay vì người ta thường có cảm tưởng là chữ tôn giả chỉ cho các bậc cao tăng đắc đạo ... ngày xưa.

PĀLI TRONG NGHI THỨC NHẬT HÀNH

Niệm Ân Đức Đại Từ Đại Bi

*Mahākāruṇiko nātho
hitāya sabbapāṇinaṃ
pūretvā pāramī sabbā
patto sambodhimuttamaṃ
etena saccavajjena
hotu me jayamaṅgalaṃ*

Đấng Đại Bi cứu khổ,
Vì lợi ích chúng sanh,
Huân tu ba la mật,
Chúng vô thượng chánh giác,
Mong với chân ngôn này,
Tự thành muôn hạnh phúc.

BÀI TẬP 17

Dịch sang tiếng Việt

1. Kassako khettaṃ kasitvā nahāyituṃ udakaṃ otari.
2. Uggāṇhantānaṃ dāraḱānaṃ dātuṃ ācariyā kusumāni āharimṣu.
3. Upāsakā āsanehi uṭṭahitvā dhammaṃ desetum upasaṅkamantaṃ samaṇaṃ vandimṣu.
4. Nagaresu kammāni katvā vetane labhitum ākaṅkhamānā narā gāmehi nikkhamimṣu.

5. Ācariyo āsanaṃ dussena chādetvā samaṇaṃ nisīdituṃ nimantesi.
6. Kumāro dvāraṃ vivarivā rukkhamaḥ oruhante vānare passamāno aṭṭhāsī (stood).

Dịch sang tiếng Pāli

1. Những đứa bé tưới các hoa sen bằng nước và cúng dường Đức Phật
2. Sau khi lãnh lương những người đàn ông đã đi chợ mua hàng hoá
3. Những ngư phủ đã mang những con cá từ biển và đã bán cho những nông dân
4. Nếu anh đi tắm hãy giặt quần áo của các con
5. Những con két và những con quạ đã bay lên không trung từ những cây
6. Đừng la rầy các con đang chơi đùa với con chó dưới cội cây

SỬA BÀI TẬP 16

Dịch sang tiếng Việt

Phần này đã sửa hoàn tất 6 câu trong buổi học trước

Dịch sang tiếng Pāli

1. Mong nhà vua sẽ cai trị đảo quốc và bảo vệ dân chúng đúng pháp.
2. Hãy để những đứa con chơi trong công viên nhặt lá rơi.
3. Hãy để những nông dân và thương gia tụ tập trong chợ.

Biên soạn giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng